

Bản án số: 131/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 28/03/2025

V/v: *Tranh chấp hôn nhân và
gia đình*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Quang Hiếu**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Hữu Trọng**;

Ông **Phùng Xuân Kim**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Đắc Hùng** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Kim Tuấn Việt** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 03 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 584/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 03 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị **Lê Thị M**, sinh năm 1993.

Đăng ký thường trú và cư trú tại: Đội 2, thôn Sơn Đồng, xã Tiên Phương, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội. Có mặt

- **Bị đơn:** Anh **Nguyễn Văn Q**, sinh năm 1989.

Đăng ký thường trú và cư trú tại: Đội 2, thôn Sơn Đồng, xã Tiên Phương, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong Đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Lê Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ngày 05 tháng 11 năm 2010, chị Lê Thị M đăng ký kết hôn với anh Nguyễn Văn Q trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại

UBND xã Tiên Phương, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội (DKKH số 141-2010). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại địa chỉ: Đội 2, thôn Sơn Đồng, xã Tiên Phương, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội. Sau một thời gian chung sống, cuộc sống vợ chồng gặp rất nhiều điểm khác biệt, mâu thuẫn không hợp nhau, anh Q chơi bời, ghen tuông, thường xuyên đánh đập chị M. Chị M cũng có những xung đột, mâu thuẫn với gia đình nhà anh Q nên chị M bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống tại: Đội 2, thôn Sơn Đồng, xã Tiên Phương, huyện Chương Mỹ từ tháng 3 năm 2024, vợ chồng sống ly thân sống ly thân từ đó cho đến nay. Chị M thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, chị M xác định không còn tình cảm với anh Q nữa và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn Q. Hiện tại, chị M đang ở trên nhà, đất của bố mẹ chị, chị hiện làm việc tại Công ty thời trang Star, với mức thu nhập trung bình hơn 7.000.000 đồng/tháng.

Về con chung: chị Lê Thị M và anh Nguyễn Văn Q có 03 con chung là: Cháu Nguyễn Thị H, sinh ngày 09/9/2011; Nguyễn Thị Huyền T, sinh ngày 18/5/2013; Nguyễn Văn T, sinh ngày 12/7/2016. Sau khi ly hôn chị M đề nghị Tòa án giao các con chung cháu Nguyễn Thị Huyền T; Nguyễn Văn T cho Chị trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng; giao con chung cháu Nguyễn Thị H cho anh Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công sức chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

2. Bị đơn anh Nguyễn Văn Q trình bày:

Ngày 05 tháng 11 năm 2010, Anh Nguyễn Văn Q đăng ký kết hôn với chị Lê Thị M trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tiên Phương, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại địa chỉ: Đội 2, thôn Sơn Đồng, xã Tiên Phương, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc sau đó xảy ra mâu thuẫn do không có không cùng chung quan điểm sống. Do anh Q nghi ngờ chị M có quan hệ với người đàn ông khác, không chung thủy, hơn nữa chị M có mâu thuẫn với người thân trong gia đình anh Q nên anh có đánh đập chị M và chị M bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống tại: Đội 2, thôn Sơn Đồng, xã Tiên Phương từ năm 2024 cho đến nay và vợ chồng sống ly thân. Anh Q xác định anh đánh chị M là do lỗi của chị M. Anh Q đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy các con.

Về con chung: anh Nguyễn Văn Q và chị Lê Thị M có 03 con chung là Cháu Nguyễn Thị H, sinh ngày 09/9/2011; Nguyễn Thị Huyền T, sinh ngày 18/5/2013; Nguyễn Văn T, sinh ngày 12/7/2016. Nếu phải khi ly hôn anh Q đề nghị Tòa án giao các con chung cháu Nguyễn Thị Huyền T; Nguyễn Văn T cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung cháu Nguyễn Thị H cho anh Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, anh Q không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công sức chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Tòa án đã tiến hành xác Minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân của chị Lê Thị M và anh Nguyễn Văn Q, đại diện chính quyền địa phương xác định, trong quá trình chung sống chị Lê Thị M và anh Nguyễn Văn Q có mâu thuẫn vợ chồng. Hiện tại, anh Q vẫn đăng ký thường trú tại địa chỉ Đội 14, Thôn 5, xã Quảng Bị, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội, chị M đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống.

Tòa án đã tiến hành hỏi ý kiến của các con chung của chị Lê Thị M và anh Nguyễn Văn Q: 02 cháu Nguyễn Thị Huyền T, sinh ngày 18/5/2013; Nguyễn Văn T, sinh ngày 12/7/2016 đều có ý kiến được ở với chị M; cháu Nguyễn Thị H, sinh ngày 09/9/2011 có ý kiến được ở cùng anh Q.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, chị M xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, chị không còn tình cảm với anh Q nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn Q. Tại phiên tòa, anh Q trình bày mâu thuẫn vợ chồng là lỗi của chị M đã có lời nói, hành động xung đột với người thân của anh Q, bản thân anh Q cũng có lúc xung đột với bố chị M. Anh Q nghi ngờ chị M ngoại tình nhưng anh xác định không có chứng cứ cụ thể và việc anh đánh chị M, Công an xã có nhắc nhở nhưng chưa có việc phải xử lý hành chính.

Về con chung, chị M, anh Q đều giữ ý kiến về người trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau ly hôn như đã trình bày tại Tòa án và như ý kiến của các con, không ai có ý kiến về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ trình bày quan điểm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ, theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào ý kiến, quan điểm, Bản tự khai, Đơn đề nghị của nguyên đơn, Các Biên bản xác minh tại địa phương. Đề nghị Hội đồng xét xử, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và xử cho chị Lê Thị M được ly hôn anh Nguyễn Văn Q.

Về con chung: chị Lê Thị M và anh Nguyễn Văn Q có 03 con chung là: Cháu Nguyễn Thị H, sinh ngày 09/9/2011; Nguyễn Thị Huyền T, sinh ngày 18/5/2013; Nguyễn Văn T, sinh ngày 12/7/2016. Sau khi ly hôn, đề nghị Tòa án giao các con chung cháu Nguyễn Thị Huyền T; Nguyễn Văn T cho chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng; giao con chung cháu Nguyễn Thị H cho anh Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Việc cấp

đưỡng nuôi con chung: do không ai có yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho đến khi có sự thay đổi khác.

Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Không xem xét.

Về án phí: Chị Lê Thị M, phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị M có Đơn khởi kiện đối với anh Nguyễn Văn Q về việc xin ly hôn nên xác định đây là vụ án Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Văn Q cư trú tại Thôn Đồng Trữ, xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội nên Tòa án Nhân dân huyện Chương Mỹ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị M và anh Nguyễn Văn Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tiên Phương, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội năm 2010 nên hôn nhân giữa chị M và anh Q là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi về chung sống, cuộc sống vợ chồng gặp rất nhiều điểm khác biệt về quan điểm sống, phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Chị M và anh Q đều có xung đột, mâu thuẫn cãi, đánh nhau với thân nhân gia đình bên vợ, bên chồng. Anh Q nghi ngờ chị M không chung thủy nên anh Q nhiều lần đánh đập chị M, chị M về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2024. Anh Nguyễn Văn Q có ý kiến đề nghị hòa giải để vợ chồng đoàn tụ cùng chăm sóc con chung, nhưng anh Q vẫn giữ quan điểm nghi ngờ chị M ngoại tình, không đưa ra được giải pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị M và anh Q đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị M là phù hợp với quy định của pháp luật, để cả hai ổn định cuộc sống.

2.2. Về con chung: chị Lê Thị M và anh Nguyễn Văn Q có 03 con chung là: Cháu Nguyễn Thị H, sinh ngày 09/9/2011; Nguyễn Thị Huyền T, sinh ngày 18/5/2013; Nguyễn Văn T, sinh ngày 12/7/2016. Sau khi ly hôn chị M đề nghị Tòa án giao các con chung cháu Nguyễn Thị Huyền T; Nguyễn Văn T cho Chị trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng; giao con chung cháu Nguyễn Thị H cho anh Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Q cũng đồng ý nuôi dưỡng cháu cháu Nguyễn Thị H. Hội đồng xét xử xét thấy, vợ chồng có 03 con chung, điều kiện kinh tế của cả hai còn nhiều khó khăn, chị M có nơi cư trú, công việc, thu nhập

ổn định nên căn cứ khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao 02 con chung là Nguyễn Thị Huyền T, sinh ngày 18/5/2013; Nguyễn Văn T, sinh ngày 12/7/2016 cho chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng; giao con chung là Nguyễn Thị H, sinh ngày 09/9/2011 cho anh Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng tạo điều kiện phát triển toàn diện cho các con chung phát triển về tâm sinh lý, thể chất, trí tuệ, tinh thần, đạo đức và mối quan hệ xã hội là phù hợp với nguyện vọng của các cháu cũng như phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị M, anh Q đều không có yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi dưỡng, chăm sóc con chung nên Hội đồng xét xử tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng chăm sóc con chung cho anh Q, chị M cho đến khi có sự thay đổi khác.

2.3. Về tài sản chung, công sức: Quá trình giải quyết vụ án các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án các đương sự xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.4. Về án phí: Chị Lê Thị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 234, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị M. Chị Lê Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Văn Q.

2. Về con chung: Giao giao 02 con chung là Nguyễn Thị Huyền T, sinh ngày 18/5/2013; Nguyễn Văn T, sinh ngày 12/7/2016 cho chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi 02 cháu T, T đủ 18 tuổi hoặc đến khi có thay đổi khác, quyết định khác.;

Giao con chung là Nguyễn Thị H, sinh ngày 09/9/2011 cho anh Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi hoặc đến khi có thay đổi khác, quyết định khác.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng chăm sóc con chung cho anh Nguyễn Văn Q, chị Lê Thị M cho đến khi có quyết định khác, sự thay đổi khác.

Chị Lê Thị M, Anh Nguyễn Văn Q có quyền, nghĩa vụ được đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ chung, công sức chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Chị Lê Thị M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0062132 ngày 16/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội.

5. Quyền kháng cáo: Chị Lê Thị M, anh Nguyễn Văn Q được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND Tp. Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Chương Mỹ;
- UBND xã Tiên Phương, huyện Chương Mỹ
(Trường hợp án có HLPL);
- Lưu HSVA – VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quang Hiểu

-